

Số: 06/2025/QĐST-LĐ

Hưng Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Minh Phương.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2025/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH T

Địa chỉ: khu công nghiệp N, phường T, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số F H, phường P, tỉnh Hưng Yên.

2.3. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1988

Nơi ĐKKK: thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: số B, ngõ B, đường Z, khu phố A, làng D, quận C, thành phố C, Đài Loan.

(các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG:

** Người yêu cầu - chị Phạm Thị L trình bày:*

Năm 2010, chị ký kết hợp đồng lao động với Công ty T, địa chỉ khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên). Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật, chưa làm chứng minh thư nhân dân nên chị đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị họ là Phạm Thị V để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, mặc dù trên thực tế chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH T nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị và Công ty lại thể hiện người lao động tên Phạm Thị V (là tên chị họ chị) và Sổ bảo hiểm xã hội của chị đóng thời gian này mang tên chị họ Phạm Thị V, số sổ bảo hiểm TZ 55571501. Sau đó đến tháng 12/2012 sau khi làm lại chứng minh nhân dân chị đã xin ký lại hợp đồng lao động với đúng tên của chị, đóng bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 3413000889 và tiếp tục làm việc tại Công ty T đến tháng 8/2022. Tuy nhiên về sổ bảo hiểm TZ 55571501 mang tên chị họ chị là Phạm Thị V nhưng người lao động là chị thì chưa được giải quyết. Thực tế, thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 chị V ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M, đóng bảo hiểm tại sổ BHXH số 3409001540. Đến nay chị Phạm Thị V muốn làm thủ tục thanh toán bảo hiểm số sổ bảo hiểm 3409001540 thì được Bảo hiểm xã hội tỉnh H thông báo chị còn một sổ bảo hiểm số TZ 55571501, thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012, thời gian đóng tại sổ TZ 55571501 trùng với thời gian đóng tại sổ 3409001540 vì vậy Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị V được. Để đảm bảo quyền lợi của chị và chị Phạm Thị V, chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Phạm Thị V (nhưng do chị là người ký kết) và Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – công ty TNHH T trình bày:*

Đối với yêu cầu của chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Phạm Thị V (do chị L là người ký kết) và Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do người lao động đã nghỉ việc tại Công ty hơn 10 năm, vượt quá quy định về thời gian lưu trữ hồ sơ nên Công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của chị Phạm Thị V để cung cấp cho Tòa án. Về số tiền bảo hiểm Công ty đã đóng cho chị Phạm Thị L (mang tên chị Phạm Thị V) đề nghị Tòa án liên hệ Cơ quan Bảo hiểm để được cung cấp thông tin chính xác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội tỉnh H (cơ sở V1) trình bày:*

Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Phạm Thị V từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 tại Công ty TNHH T theo sổ BHXH số TZ55571501 là 02 năm 03 tháng (chưa hưởng BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp). Việc chị Phạm Thị V cho chị Phạm Thị L mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng và đóng BHXH, BHYT, BHTN; nay chị Phạm Thị L đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Phạm Thị L (lấy tên là Phạm Thị V) với Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 là vô hiệu, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Phạm Thị V trình bày:*

Năm 2010, em họ chị là Phạm Thị L có ký kết hợp đồng lao động với Công ty T. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên chị đã cho chị L mượn chứng minh thư nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, chị L là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động lại thể hiện người lao động tên Phạm Thị V (là tên chị) và S bảo hiểm xã hội của chị L đóng thời gian này mang tên chị là Phạm Thị V, số sổ bảo hiểm TZ 55571501. Thực tế thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 chị ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M, đóng bảo hiểm tại sổ BHXH số 3409001540. Sau đó đến tháng 12/2012 sau khi làm chứng minh nhân dân chị L đã xin ký lại hợp đồng lao động với đúng tên của L và được đóng bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 3413000889 và tiếp tục làm việc tại Công ty T đến tháng 8/2022. Tuy nhiên về sổ bảo hiểm TZ 55571501 mang tên chị là Phạm Thị V nhưng người lao động là Phạm Thị L thì chưa được giải quyết. Đến nay chị muốn làm thủ tục thanh toán bảo hiểm số sổ bảo hiểm 3409001540 thì được Bảo hiểm xã hội tỉnh H thông báo chị còn một sổ bảo hiểm số TZ 55571501, thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012, thời gian đóng tại sổ TZ 55571501 trùng với thời gian đóng tại sổ 3409001540, do đó Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị. Chị đồng ý với yêu cầu của chị L về việc tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Phạm Thị L (lấy tên là Phạm Thị V) với Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 là vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 370, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L, tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T và chị Phạm Thị V (do chị Phạm Thị L ký) trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu. Chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị V có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ bảo hiểm xã hội số TZ 55571501 từ Phạm Thị V thành Phạm Thị L. Chị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T có địa chỉ tại phường T, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

[1.2] Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng lao động mà chị Phạm Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2010 khi Bộ luật Lao động năm 1994 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết yêu cầu của chị L trong việc dân sự này.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị L (mang tên chị Phạm Thị V) với Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu thì thấy:

Việc chị Phạm Thị L mượn giấy chứng minh thư nhân dân của chị Phạm Thị V để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động

năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L, tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Phạm Thị V và Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu.

[2.2] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: mặc dù việc ký kết hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị L (chị L đã sử dụng giấy tờ cá nhân của chị V để ký hợp đồng lao động) với Công ty TNHH T đã có sự lừa dối, không trung thực ngay từ thời điểm ký kết nhưng trên thực tế chị L có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị L (mang tên chị Phạm Thị V, số sổ bảo hiểm xã hội TZ 55571501). Do vậy cần điều chỉnh tên Phạm Thị V trên Sổ bảo hiểm xã hội số TZ 55571501 thành Phạm Thị L để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị V có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Phạm Thị V thành Phạm Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 370, Điều 372, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L: Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH T và chị Phạm Thị V (nhưng do chị Phạm Thị L là người ký kết) trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012 vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội TZ 55571501 từ Phạm Thị V, sinh ngày 18/11/1988, số chứng minh nhân dân 151644385 thành Phạm Thị L, sinh ngày 06/11/1994, căn cước công dân số 034194004617 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/10/2022. Các chị Phạm Thị L, Phạm Thị V có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị V thành Phạm Thị L.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng

chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000882 ngày 29/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Phạm Thị L, Công ty TNHH T, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên, chị Phạm Thị V có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Thị Minh Phương